

Bản án số: **02/ 2017/KDTM-ST.**

Ngày: 19/ 7/ 2017.

“V/v: *Tranh chấp về kinh doanh thương mại*”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG-TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Thanh Bình.

2. Bà Võ Thị Cảnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Sen – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 19/ 7/ 2017, tại trụ sở TAND huyện Kbang, Gia Lai. TAND huyện Kbang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2017/TLST-KDTM ngày 13/ 3/ 2017. Về việc: **“*Tranh chấp về kinh doanh thương mại*”**, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/ QĐXXST-KDTM ngày 12/ 06/ 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2017/QĐST- KDTM ngày 29/6/2017. Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Thu H - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Số 265 Q, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1975;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị V, sinh năm 1984.

Cùng địa chỉ: Thôn D, xã S, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà H có mặt tại phiên tòa;

Anh T và chị V lần thứ hai vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Vào ngày 28 /6/ 2013, hộ gia đình anh Nguyễn Văn T và chị Bùi Thị V, đã vay vốn tín dụng ưu đãi tại Ngân hàng Chính sách xã hội (*sau đây gọi tắt là Ngân*

hàng) thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai, với số tiền là nợ gốc là 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*), theo Sổ vay vốn có mã KH 080155; mục đích sử dụng tiền vay để chăm sóc cà phê; Thời hạn vay là 24 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng /lần/10.000.000 đồng, lãi suất cho vay là 0,9 %/tháng; lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn; hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp. Theo thỏa thuận của hộ gia đình anh T với Ngân hàng tại thời điểm vay thì anh Nguyễn Văn T là người vay và vợ là chị Bùi Thị V là người thừa kế món vay (*hiện anh T và chị V đã ly hôn nhưng không báo với Ngân hàng về sự thay đổi người thừa kế*).

Theo thỏa thuận trên hồ sơ vay vốn ký kết tại Ngân hàng thì hàng tháng anh T – chị V phải trả lãi nhưng từ ngày 07/11/2015 cho đến nay anh T - chị V chưa trả lãi cho Ngân hàng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở gia đình anh, chị trả nợ nên anh, chị đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cả gốc và lãi theo cam kết đã thỏa thuận. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T và chị V phải có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 20/ 02/ 2017, anh Nguyễn Văn T và bà Bùi Thị V còn nợ Ngân hàng số tiền 23.149.400 đồng với các khoản như sau:

- Nợ gốc là: 20.000.000 đồng;
- Nợ lãi trong hạn từ ngày 07/11/2015 đến ngày 15/7/2016 (248 ngày) là: 1.488.000 đồng;
- Nợ lãi quá hạn từ ngày 16/7/2016 đến ngày 19/02/2017 (213 ngày) là: 1.661.400 đồng.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị V ngoài việc phải trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 23.149.400 đồng thì anh T và chị V còn phải trả tiếp số tiền nợ lãi quá hạn phát sinh từ ngày 20/02/2017 đến ngày 19/07/2017 (149 ngày) là 1.162.200 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị V phải trả cho Ngân hàng CSXH thông qua Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai tổng số tiền là 24.311.600 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.488.000 đồng và nợ lãi quá hạn đến ngày 19/7/2017 là 2.823.600 đồng.

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T: Sau khi vụ án được Tòa án thụ lý, TAND huyện Kbang đã triệu tập anh T đến Tòa làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia

các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tiến hành nhưng anh không hợp tác, trốn tránh vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Do vụ án đã hai lần không tiến hành hoà giải được, vì bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại hai phiên tòa, mở vào ngày 29/6/2017 và ngày 19/7/2017, mặc dù đã được Tòa án đã niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến ông Thoảng nhưng ông đã vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị V trình bày: Năm 2010 chị và anh T có vay của Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền là 20.000.000 đồng theo số vay vốn mã KH 080155, anh T là người vay, chị là người thừa kế món vay, trong quá trình vay anh T và chị đã trả hết nợ cho Ngân hàng. Sau đó đến ngày 28/ 6/ 2013 anh T lại tiếp tục vay lại số tiền 20.000.000 đồng nhưng chị không được biết, lúc đó chị và anh T đang có mâu thuẫn trong hôn nhân. Sau này khi được nghe cô Trang bên tổ vay vốn nói anh T đã vay được 20.000.000 đồng của Ngân hàng thì chị mới được biết. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chị và anh T phải trả số tiền còn nợ là 23.149.400 đồng thì chị không chấp nhận, anh T phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn đã giao nộp, gồm: 01 Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 1792/QĐ- NHCS ngày 09/6/2015; 01 Sổ vay vốn mang tên người vay là ông Nguyễn Văn T số 080155; 01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay - thu nợ - dư nợ của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, tỉnh Gia Lai đối với ông Nguyễn Văn T; 01 Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay của ông Nguyễn Văn T; 01 Giấy đề nghị cho gia hạn nợ của ông Nguyễn Văn T; 01 Giấy cam kết; 01 Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội chương trình cho vay SXKD (*đều sao y bản chính*); 01 Văn bản số 56/NHCS-TD ngày 17/3/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Việc vay vốn giữa anh Nguyễn Văn T với Ngân hàng được thể hiện trong sổ vay vốn có mã khách hàng KH 080155 và sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ là sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành. Vì vậy, việc anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết trong Hợp đồng, buộc Ngân hàng khởi kiện đòi nợ là có cơ sở và thuộc thẩm quyền của TAND huyện Kbang, Gia Lai.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là sổ vay vốn có mã khách hàng KH 080155 ghi họ và tên người vay là Nguyễn Văn T, họ tên người thừa kế khoản vay là bà Bùi Thị V (*quan*

hệ với người vay tại thời điểm vay vốn là vợ chồng) và số lưu từ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ với hình thức bảo đảm tiền vay là cho vay là tín chấp, thời hạn vay là 24 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/ lần/ 10.000.000 đồng hộ anh T phải trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng; tất cả các điều kiện trên của bên cho vay và bên vay đã được anh T thừa nhận bằng việc ký và nhận số tiền của khoản vay là 20.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu bổ sung số tiền nợ lãi quá hạn của khoản vay từ ngày 20/02/2017 đến ngày 19/7/2017 là 20.000.000 đồng x 1,17%/tháng = 1.162.200 đồng, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận đối với yêu cầu trên.

[3] Sau khi vay tiền cho đến nay anh T và chị V đã sử dụng vốn vay không hiệu quả, đã không trả được nợ gốc và lãi theo cam kết mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở anh, chị trả nợ nên anh, chị đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Anh T luôn vắng mặt, trốn tránh trong các lần Tòa án triệu tập làm việc đã thể hiện việc anh không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Anh đã tự chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, đồng thời mặc nhiên thể hiện việc vay nợ mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản đã ký kết trong hợp đồng. Chị V cho rằng mình không biết việc anh T vay nhưng sau đó một thời gian đã được tổ vay vốn (bà T) thông báo cho biết nhưng không có ý kiến cũng như đề nghị Ngân hàng thay đổi người thừa kế nên chị cũng có trách nhiệm đối với món vay trên. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ thì anh T và chị V có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng.

Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị V phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến ngày 19/ 7/ 2017 là 24.311.600 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.488.000 đồng và nợ lãi quá hạn 2.823.600 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật nên được HĐXX cần chấp nhận toàn bộ.

Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên anh T – chị V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật số tiền là 3.000.000 đồng.

Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối với đối tượng chính sách (thời điểm vay hộ gia đình anh T – chị V thuộc diện sản xuất kinh doanh vùng khó khăn) nên không phải nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 471, 474 và 478 của Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 91, 93, 94, 95, 96, 108, khoản 3 Điều 144; khoản 01 khoản 05 Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Bùi

Thị V phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội thông qua Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện K, Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng theo Sổ vay vốn có mã KH 80155 là 24.311.600 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 20.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 1.488.000 đồng và nợ lãi quá hạn 2.823.600 đồng (tính đến ngày 19/7/2017).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

-Về án phí:

* Buộc anh Nguyễn Văn T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị V phải chịu án phí KDTM sơ thẩm là 3.000.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận THA, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các điều 6, 7 và 9 LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 LTHADS.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn và quyền kháng cáo nêu trên của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được tính từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai.
- VKSND huyện Kbang.
- THADS huyện Kbang.
- Các đương sự.
- Lưu HS vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Lành

